

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN AN BÌNH HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN AN BÌNH HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI TAN AN BINH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HA NOI TAN AN BINH ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107461998

3. Ngày thành lập: 03/06/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 60 Nguyễn Thị Định, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
3.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
4.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
5.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
6.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
7.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
8.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
9.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
10.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
11.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn; - Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện; - Sản xuất chuông điện; - Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện;	2790
12.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; - Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng;	2819
13.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
14.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822

15.	Sản xuất máy luyện kim	2823
16.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
17.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
18.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
19.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
20.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
21.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
22.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
23.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
24.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
25.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
26.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
27.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
28.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
29.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
30.	Sản xuất đường	1072
31.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
32.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
33.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
34.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
35.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
36.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
37.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: hoạt động của đại lý bán vé máy bay	5229
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
40.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661(Chính)
41.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662

42.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. - Bán buôn xi măng	4663
43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
46.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
47.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
48.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
49.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
50.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
51.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
52.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
53.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
54.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
55.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

56.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
57.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
58.	Hoạt động chiếu phim	5914
59.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
60.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
61.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
62.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
63.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
64.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
65.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
66.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
67.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: - Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi; - Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hoá, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự; - Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự;	3319
68.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
69.	Xây dựng nhà các loại	4100
70.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
71.	Xây dựng công trình công ích	4220
72.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật	4290
73.	Phá dỡ	4311
74.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
75.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời;	4390
76.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn xe có động cơ khác	4511

77.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
78.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
79.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
80.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
81.	Bán buôn gạo	4631
82.	Bán buôn thực phẩm	4632
83.	Bán buôn đồ uống	4633
84.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
85.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
86.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649
87.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
88.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; văn phòng, dệt may, da giày, y tế, đo lường - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659
91.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
92.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh;	4789
93.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
94.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
95.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
96.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
97.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299

98.	Hoạt động của các cơ sở thể thao (trừ sân golf)	9311
99.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
100.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che .v.v..; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí;	9329
101.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
102.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
103.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
104.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
105.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
106.	Quảng cáo	7310
107.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm thiết kế công trình)	7410
108.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Môi giới thương mại	7490
109.	Đại lý du lịch	7911
110.	Điều hành tua du lịch	7912
111.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

6. Vốn điều lệ: 34.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH TÂN AN BÌNH	Số 30 ngõ 103 Kim Mã, phố Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.120.000	31.200.000.000	89,655	0100898041	
			Tổng số	3.120.000	31.200.000.000	89,655		
2	LÊ PHƯƠNG HÀ	A3 khu A Hồ Ba Mẫu, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	1,724	001170003057	
			Tổng số	60.000	600.000.000	1,724		
3	CAO THỊ SINH	P105, nhà CVụ X2, T/T Bộ TLBV Lãng CTHCM, số 8/35 KM Thượng, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	8,621	034175002012	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	8,621		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CAO THỊ SINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 11/10/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 034175002012

Ngày cấp: 03/11/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P105, nhà CVụ X2, T/T Bộ TLBV Lãng CTHCM, số 8/35 KM Thượng, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P105, nhà CVụ X2, T/T Bộ TLBV Lãng CTHCM, số 8/35 KM Thượng, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội